

Số: 47/2021/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của
Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quy định chế độ, chính sách và các
điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của
Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính
sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số
119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức
mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển
thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 92/2014/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 14
tháng 7 năm 2014 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ
về hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng, và quyết toán kinh phí ngân sách nhà
nước đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện
hệ thống pháp luật;*

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 93/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức chi bồi dưỡng người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 95/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Nghị quyết 123/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố;

Xét Tờ trình số 08/TTr-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố về việc Quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố; Báo cáo thẩm tra số 114/BC-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Kinh phí thực hiện một số nội dung và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố được cân đối, bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã theo phân cấp hiện hành.

Điều 3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021 về quy định một số nội dung và mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ; VP Chủ tịch nước;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH; đại biểu HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy; HĐND huyện;
- UBND, UBMTTQVN các quận, huyện;
- HĐND xã; UBND phường, xã;
- Báo Đà Nẵng, Đài PT-TH Đà Nẵng,
Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.

CHỦ TỊCH



Lương Nguyễn Minh triết

thaohh2-28/12/2021 07:58:35-thaohh2-thaohh2

10/2/2021
10:00 AM
10:00 AM
10:00 AM

thaohh2-28/12/2021 07:58:35-thaohh2-thaohh2-thaohh2



QUY ĐỊNH
MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân thành phố khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 4)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng gồm:

1. Chi cho công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết, báo cáo, tờ trình trình Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp và trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố giữa các kỳ họp.

2. Chi tổ chức lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương và các văn bản khác trình Hội đồng nhân dân.

3. Chi cho công tác giám sát, khảo sát.

4. Chi tiếp xúc cử tri.

5. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức.

6. Chi xây dựng Nghị quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân trình; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm của Hội đồng nhân dân; Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; báo cáo định kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân.

7. Chế độ chi kỳ họp, phiên họp của Đảng đoàn, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; Hội nghị giao ban hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp.

8. Chế độ hỗ trợ tổ đại biểu.

9. Chế độ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân, hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp.

10. Chế độ chi công tác xã hội, hỗ trợ các hoạt động khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nội dung và mức chi được áp dụng đối với hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, các Ban của Hội đồng nhân dân các cấp, các tổ đại biểu các

cấp, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác tham gia phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo yêu cầu.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc áp dụng các nội dung và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao; đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng quy định.

2. Các nội dung và mức chi khác đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp chưa có trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Riêng đối với các khoản chi đặc thù, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ dự toán ngân sách được giao hàng năm và tình hình thực tế của Hội đồng nhân dân cấp mình để quyết định cụ thể.

3. Những trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp thì được hưởng một lần với mức cao nhất đối với các nội dung mức chi: Trang phục (lễ phục), chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP

Điều 4. Chi cho công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết, báo cáo, tờ trình trình Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp và trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố giữa các kỳ họp

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
1	Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, tờ trình, đề án, dự thảo Nghị quyết	đồng/báo cáo	500.000	300.000	200.000
2	Chi cho cá nhân tham gia cuộc họp thẩm tra				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/ buổi	150.000	150.000	150.000
-	Thành viên dự họp	đồng/người/ buổi	100.000	100.000	100.000
3	Chi ý kiến tham luận bằng văn bản đối với báo cáo thẩm tra, mức chi	đồng/văn bản	200.000	150.000	100.000
Nếu họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bằng 200% mức chi trong ngày thường.					

Điều 5. Chi tổ chức lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương và các văn bản khác trình Hội đồng nhân dân.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
1	Chi cho các tổ chức, cá nhân để nghiên cứu góp ý bằng văn bản (Tùy theo nội dung và tính cấp thiết Thường trực Hội đồng nhân dân ký hợp đồng với chuyên gia với mức chi tối đa)	đồng/báo cáo	1.000.000	700.000	500.000
2	Chi hợp góp ý (Thực hiện theo chế độ tổ chức hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này)				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người /buổi	150.000	150.000	150.000
-	Thành viên dự họp	đồng/người /buổi	100.000	100.000	100.000
3	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	đồng/văn bản	500.000	300.000	200.000
4	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia	đồng/báo cáo	500.000	300.000	200.000

Điều 6. Chi cho công tác giám sát, khảo sát

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
1	Chi cho Đoàn giám sát				
a	Chi xây dựng văn bản giám sát				
-	Chi xây dựng bộ hồ sơ giám sát	đồng/bộ	2.000.000	1.500.000	1.000.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
	của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân (quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch và đề cương giám sát)	văn bản			
-	Chi xây dựng báo cáo kết quả Đoàn giám sát	đồng/báo cáo	2.000.000	1.500.000	1.000.000
-	Chi xây dựng bộ hồ sơ giám sát của các Ban, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (quyết định thành lập Đoàn giám sát, kế hoạch và đề cương giám sát)	đồng/bộ văn bản	1.500.000	1.000.000	500.000
-	Chi xây dựng báo cáo kết quả Đoàn giám sát, mức chi	đồng/báo cáo	1.500.000	1.000.000	500.000
<p>Trong quá trình giám sát có lấy phiếu điều tra xã hội thì thực hiện theo Thông tư 109/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.</p>					
b	Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát: Mức chi bằng 2/3 mức chi cho xây dựng văn bản giám sát quy định tại điểm a, khoản này.				
c	Chi cho thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát: Trong thời gian thực hiện hoạt động giám sát, khảo sát, ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật hiện hành, chế độ chi đối với thành viên tham gia Đoàn giám sát, khảo sát:				
-	Trưởng đoàn giám sát, khảo sát	đồng/người /buổi	200.000	150.000	100.000
-	Thành viên đoàn giám sát, khảo sát	đồng/người /buổi	150.000	100.000	80.000
-	Cán bộ, công chức và người lao động phục vụ đoàn trực tiếp	đồng/người /buổi	100.000	80.000	50.000
-	Cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp	đồng/người /buổi	50.000	40.000	30.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
d	Chi các cuộc họp giám sát, khảo sát: Ngoài thời gian hưởng theo quy định tại điểm c khoản này, chi các cuộc họp giám sát, khảo sát thực hiện theo chế độ tổ chức họp quy định tại khoản 2, Điều 4 của Quy định này.				
Nếu đi giám sát, khảo sát trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bằng 200% mức chi trong ngày thường.					
đ	Chi mời chuyên gia phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát: Tùy theo nội dung và tính cấp thiết của chuyên đề giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân (trên cơ sở có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân) ký hợp đồng với chuyên gia, mức chi tối đa	đồng/báo cáo	3.000.000	2.000.000	1.000.000
2	Chi giám sát văn bản quy phạm pháp luật	Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước về chi cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.			
3	Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình				
a	Chi xây dựng bộ hồ sơ chất vấn (tổng hợp ý kiến chất vấn, kế hoạch chi tiết phiên giải trình) tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	1.000.000	600.000	400.000
b	Chi cho việc xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả giải trình	đồng/báo cáo	700.000	500.000	300.000

Điều 7. Chi tiếp xúc cử tri

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
1	Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri nhằm trang trải các chi phí cần thiết như trang trí, thuê địa điểm, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác (Trong trường hợp có sự phối hợp tiếp xúc cử tri đại biểu Hội đồng nhân dân nhiều cấp thì chỉ được thực hiện hỗ trợ của cấp cao nhất)	đồng/điểm	3.000.000	2.000.000	1.500.000
2	Thực hiện hỗ trợ tiếp xúc cử tri với mức chi như sau:				
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/người/năm	3.000.000	2.000.000	1.000.000
b	Lãnh đạo các cấp không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân (người làm công tác tổ chức; người có trách nhiệm trả lời các ý kiến, kiến nghị của cử tri, thư ký tổng hợp)	đồng/người/buổi	200.000	150.000	100.000
c	Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ, mức chi	đồng/người/buổi	100.000	80.000	50.000
3	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri của các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	300.000	200.000	100.000
4	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	500.000	300.000	200.000

Điều 8. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
1	Chi tiếp công dân				
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân và cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp chưa được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra	đồng/người /ngày	120.000	120.000	120.000
b	Cán bộ, công chức phục vụ trực tiếp đang được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm theo nghề thanh tra	đồng/người /ngày	100.000	100.000	100.000
c	Cán bộ, công chức phục vụ gián tiếp	đồng/người /ngày	60.000	60.000	60.000
2	Chi xây dựng báo cáo đề xuất giải quyết vụ khiếu nại, tố cáo trình hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sau khi tiếp công dân	đồng/báo cáo	300.000	200.000	100.000

Điều 9. Chi xây dựng Nghị quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân trình; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; báo cáo định kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Cấp Huyện	Cấp xã
1	Chi soạn thảo Đề cương chi tiết dự thảo văn bản, Nghị quyết Hội đồng nhân dân (Văn bản mới hoặc thay thế)	đồng/đề cương	950.000	750.000	550.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Cấp Huyện	Cấp xã
2	Chi soạn thảo Đề cương chi tiết dự thảo văn bản, Nghị quyết Hội đồng nhân dân (Văn bản sửa đổi, bổ sung)	đồng/đề cương	650.000	450.000	250.000
3	Chi soạn thảo văn bản, Nghị quyết Hội đồng nhân dân (Văn bản mới hoặc thay thế)	đồng/văn bản	3.200.000	2.200.000	1.200.000
4	Chi soạn thảo văn bản, Nghị quyết Hội đồng nhân dân (Văn bản sửa đổi, bổ sung)	đồng/văn bản	2.700.000	1.700.000	1.000.000
5	Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản				
a	Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý Nghị quyết Hội đồng nhân dân (Văn bản mới hoặc thay thế)	đồng/báo cáo tổng hợp ý kiến	250.000		
b	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý Nghị quyết Hội đồng nhân dân (Văn bản mới hoặc thay thế)	đồng/báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến	350.000		
c	Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý Nghị quyết Hội đồng nhân dân (Văn bản sửa đổi, bổ sung)	đồng/báo cáo tổng hợp ý kiến	150.000		
d	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý Nghị quyết Hội đồng nhân dân (Văn bản sửa đổi, bổ sung)	đồng/báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến	250.000		
6	Chi cho việc rà soát nội dung, kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi Hội đồng nhân dân thông qua	đồng/nghị quyết	200.000	150.000	100.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Cấp Huyện	Cấp xã
7	Chi xây dựng chương trình, kế hoạch, tờ trình, báo cáo công tác sơ kết giữa nhiệm kỳ, nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	1.000.000	500.000	300.000
8	Chi xây dựng chương trình, kế hoạch, tờ trình, báo cáo công tác hàng năm, định kỳ của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	500.000	300.000	200.000

Điều 10. Chế độ chi kỳ họp, phiên họp của Đảng đoàn, Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân; Hội nghị giao ban hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
1	Chế độ chi kỳ họp Hội đồng nhân dân				
a	Bồi dưỡng kỳ họp (nếu họp trong ngày nghỉ, ngày lễ mức chi bằng 200% mức chi trong ngày thường)				
-	Chủ trì kỳ họp	đồng/người/buổi	200.000	200.000	200.000
-	Thư ký kỳ họp	đồng/người/buổi	150.000	150.000	150.000
-	Đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu mời tham dự kỳ họp theo danh sách mời	đồng/người/buổi	100.000	100.000	100.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
-	Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ trực tiếp	đồng/người/buổi	100.000	100.000	100.000
-	Cán bộ, công chức, nhân viên phục vụ gián tiếp	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000
b	Hoàn thiện biên bản kỳ họp	đồng/báo cáo	900.000	600.000	300.000
c	Chuyên viên tổng hợp ý kiến thảo luận tổ	đồng/người/buổi	200.000	100.000	50.000
2	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận tại kỳ họp	đồng/báo cáo	700.000	500.000	400.000
3	Chế độ chi cuộc họp của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; Hội nghị giao ban hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp mức chi:				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/ người/buổi	150.000	100.000	50.000
-	Thành viên dự họp	đồng/người/buổi	100.000	70.000	50.000
-	Hoàn thiện biên bản phiên họp (Các biên bản cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, thường kỳ hàng tháng...)	đồng/báo cáo	200.000	100.000	50.000

Điều 11: Chế độ hỗ trợ tổ đại biểu

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
	Khoản kinh phí hoạt động của tổ đại biểu	đồng/tổ/ quý	3.000.000	2.000.000	1.000.000

Điều 12. Chế độ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân, hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp: Ngoài các chế độ, chính sách được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được hưởng các chế độ như sau (Hội đồng nhân dân các cấp có trách nhiệm chi trả khoản phụ cấp này)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
1	Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo của Hội đồng nhân dân				
a	Người đang giữ các chức vụ đảng, đoàn thể nếu kiêm nhiệm chức danh: Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân cấp thành phố và cấp huyện thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng (Thực hiện theo Thông tư số 78/2005/BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác)				
b	Người đang giữ các chức vụ đảng, đoàn thể nếu kiêm nhiệm chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã thì phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố				
2	Chế độ hỗ trợ công tác, nghiên cứu tài liệu đối với đại biểu Hội đồng nhân dân: Ngoài phụ cấp chức vụ theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách được hưởng chế độ hỗ trợ công tác hàng tháng cụ thể như sau				
	Chủ tịch Hội đồng nhân dân	đồng/người/ tháng	2.000.000	1.400.000	800.000
	Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân	đồng/người/ tháng	1.700.000	1.100.000	700.000
	Trưởng Ban Hội đồng nhân dân	đồng/người/ tháng	1.400.000	1.000.000	
	Phó Trưởng Ban Hội đồng nhân dân	đồng/người/ tháng	1.100.000	800.000	

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
	Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố	đồng/người/tháng	500.000	300.000	150.000
3	Đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ thông tin liên lạc	đồng/người/tháng	400.000	250.000	200.000
4	Đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ công tác phí	đồng/người/tháng	500.000	300.000	100.000
5	Chi may trang phục				
a	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân. Trong nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được cấp tiền may hai bộ trang phục (Trường hợp đại biểu là đại biểu Hội đồng nhân dân 02 cấp trở lên thì được hưởng một mức cao nhất)	đồng/bộ	5.000.000	3.000.000	2.000.000
b	Trong nhiệm kỳ, cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức tham mưu, giúp việc trực tiếp hoạt động Hội đồng nhân dân cấp thành phố, huyện, xã được cấp tiền may hai bộ trang phục	đồng/bộ	3.000.000	2.000.000	1.000.000
6	Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng hàng năm cho đại biểu Hội đồng nhân dân Ngoài các chế độ theo quy định (nếu có), đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, nghỉ dưỡng	đồng/người/năm	3.000.000	2.000.000	1.000.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
	hàng năm với mức chi (Trường hợp đại biểu là đại biểu Hội đồng nhân dân 02 cấp trở lên thì được hưởng một mức cao nhất)				
7	Chế độ tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân, cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ; chi tổ chức các đoàn đi tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định				

Điều 13. Chế độ chi công tác xã hội, hỗ trợ các hoạt động khác

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
1	Chi thăm hỏi khi ốm đau nằm viện, lễ tang, các hoạt động khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân, mức chi như sau				
a	Thăm hỏi khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm) đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân	đồng/người /lần	1.000.000	500.000	300.000
b	Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	3.000.000	2.000.000	1.000.000
c	Phúng điếu đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân và thân nhân (cha, mẹ, chồng hoặc vợ, con) đại biểu	đồng/người /lần	1.000.000	700.000	500.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Thành phố	Huyện	Xã
	Hội đồng nhân dân				
d	Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân trong các hoạt động khác	Do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định			
2	Đối với cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện chế độ thăm hỏi, phúng điếu như đại biểu Hội đồng nhân dân				
3	Chế độ chi thăm hỏi, phúng điếu, lễ tết, các hoạt động khác đối với các đối tượng khác do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định				
4	Cán bộ, công chức, người lao động công tác tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố quyết định (chỉ áp dụng cấp thành phố)				
5	Chế độ hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp (tham mưu, phục vụ các Hội nghị, kỳ họp Hội đồng nhân dân, các sự kiện lớn của thành phố, các hoạt động mang tính cộng đồng...) do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định				

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước, của thành phố và các nội dung và mức chi tại Quy định này, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện để đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Hàng năm, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp mình gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố có trách nhiệm rà soát các nội dung và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tại Quy định này, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.